A.09 Kinh Chúng Tập

Kinh Trường A-Hàm (VNC PHVN, 2022)

9. KINH CHUNG TẠP r A Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, du hành trong xứ Mạt-la, lần đến vườn Xà-đầu-am-bà trong thành Ba-bà. Hôm ấy, ngày rằm trăng tròn, đức Thế Tôn ngồi ngoài trời, cùng với đại chúng vây quanh. Sau khi nói pháp khá lâu, bấy giờ trời đã tối, đức Thế Tôn bảo ngài Xá-lợi-phất: Nay các Tỳ-kheo từ bốn phương tụ họp về đây, tất cả đều siêng năng, bỏ sự ngủ nghỉ, Ta vì đau lưng cần nghỉ ngơi một chút, giờ đây ông thay Ta vì các Tỳ-kheo mà nói pháp. Vâng, con xin vâng lời Thế Tôn dạy! Bấy giờ, đức Thế Tôn xếp tư chiếc y Tăng-già-lê lại, nằm nghiêng về bên hữu, hai chân chồng lên nhau như dáng điệu sư tử. Khi đó, ngài Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: -Nay tại thành Ba-bà này có một vị Ni-kiền-tử vừa mới từ trần, trong hànẹ đệ tử của ông ta lại phân chia thành hai phái, họ tranh tụng, mạ lỵ lẫn nhau ve vấn đề thi phi, đồng thời luôn luôn tìm những ưu khuyết điểm của nhau, như nói: "Chi có ta biết điều này, còn ngươi thì không. Ngươi ở nơi tà kiến, ta ở nơi Chánh pháp." Ngôn ngữ đảo lộn, không có thứ tự, vậy mà họ tự xưng lời nói của mình là chân chánh, như nói: “Lòi ta nói là thắng, lời ngươi nói là thua. Hơn nữa, nay ta có thể chủ tọa cuộc thảo luận này, vậy ngươi có hỏi điều chi thì nên hỏi với ta." Này các Tỳ-kheo5 lúc đó nhân dân trong nước, những người lâu nay phụng thờ Ni-kiền-tử đều nhàm chán việc tranh tụng này. Vì pháp của họ không chơn chánh; mà đã không chơn chánh thì làm sao giải thoát được? Như ngôi tháp đã mục nát thì vô phương tu bổ lại. Đây không phải là lời nói của đấng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này các Tỳ-kheo, chỉ có pháp của đức Thích-ca Vô Thượng Tôn thật là chơn chánh, mới có thể làm cho người được giải thoát. Ví như ngôi tháp mới thì sự trang trí rất dễ dàng. Đây là lời nói của đấng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này các Tỳ-kheo, nay ta phải kiết tập Pháp, Luật để đề phòng sự tranh tụng, và nhát là khiên cho Phạm hạnh được trường tôn lâu dài, trời, người được nhiều lợi ích, an vui.

154 * KINH TRƯỜNG A-HÀM

r Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói một Chánh pháp, đó là tát cả chúng sanh đều do sự ăn mà sanh tồn. Đức Như Lai lại nói một Chánh pháp, đó là tất cả chúng sanh đều nhờ vào các hành mà an trụ. Đó là một pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải được kiêt tập đê đê phòng sự tranh tụng và khiên cho Phạm hạnh trường tôn, đông thời, trời, người được lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: Có hai Chánh pháp, đó là danh và sắc. Có hai pháp, đó là si và ái. Có hai pháp, là châp có và châp không (hữu kiên và vô kiên). Có hai pháp, đó là vô tàm và vô quý. Có hai pháp, đó là có tàm và có quý. Có hai pháp, đó là Tận trí và Vô sanh trí. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên, sanh từ ái dục: Tịnh diệu sắc và không có tư duy. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên, sanh từ sân nhuế: Oán ghét và không có tư duy. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên, phát sanh từ tà kiến: Nghe từ người khác và tà tư duy. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên, sanh ra từ chánh kiến: Nghe từ người khác và chánh tư duy. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên: Hữu học giải thoát và vô học giải thoát. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên: Hữu vi giới và vô vi giới. Này các Tỳ-kheo, đó là lời dạy của

Thế Tôn cần được kiết tập để đề phòng sự tranh tụng, khiến cho Phạm hạnh được trường tồn, trời, người được nhiều lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: Có ba pháp, đó là ba bất thiện căn: (l) Tham dục; (2) Sân nhuế; (3) Ngu si. Có ba pháp, đó là ba hạnh bất thiện: (l) Hạnh bất thiện về thân; (2) Hạnh bất thiện về khẩu; (3) Hạnh bất thiện về ý. Có ba pháp, đó là ba thiện căn: (l) Không tham; (2) Không sân; (3) Không si. Có ba pháp, đó là ba hạnh bất thiện: (l) Thân làm điều bất thiện; (2) Miệng nói điều bất thiện; (3) Ý nghĩ điều bất thiện. Có ba pháp, đó là ba hạnh bất thiện: (l) Ác hạnh về thân; (2) Ác hạnh về khẩu; (3) Ác hạnh về ý. Có ba pháp, đó là ba thiện hạnh: (l) Thiện hạnh về thân; (2) Thiện hạnh về khẩu; (3) Thiện hạnh về ý. Có ba pháp, đó là ba bất thiện tưởng: (l) Dục tưởng; (2) Sân tưởng; (3) Hại tưởng. Có ba pháp, đó là ba thiện tưởng: (l) Không có dục tưởng; (2) Không có sân tưởng; (3) Không có hại tưởng. Có ba pháp, đó là ba ác tư duy: (l) Dục tư duy; (2) Sân tư duy; (3) Hại tư duy. Có ba pháp, đó là ba thiện pháp tư duy: (l) Không có dục tư duy; (2) Không có sân tư duy; (3) Không có hại tư duy.

9. KINH CHÚNG TẬP < 155

CÓ ba pháp, đó là ba phúc nghiệp: (1) Nghiệp bố thí; (2) Nghiệp bình đẳng; (3) Nghiệp tư duy. Có ba pháp, đó là ba thọ: (1) Lạc thọ; (2) Khổ thọ; (3) Bất khổ bất lạc thọ (xả thọ). Có ba pháp, đó là ba ái: (1) Dục ái; (2) Hữu ái; (3) Vô hữu ái. Có ba pháp, đó là ba hữu lậu: (1) Dục lậu; (2) Hữu lậu; (3) Vô minh lậu. Có ba pháp, đó là ba thứ lửa: (1) Lửa dục; (2) Lửa sân; (3) Lửa si. Có ba pháp, đó là ba sự tìm cầu: (1) Sự tìm cầu về dục; (2) Sự tìm cầu về hữu; (3) Sự tìm cầu về Phạm hạnh. Có ba pháp, đó là ba sự tăng thịnh: (1) Ngã tăng thịnh; (2) Thế tăng thịnh; (3) Pháp tang thịnh. Có ba pháp, đó là ba giới: (1) Dục; (2) Sân; (3) Hại. Có ba pháp, đó là ba giới: (1) Giải thoát giới; (2) Giới vô sân; (3) Giới vô hại. Có ba pháp, đó là ba giới: (1) sắc giới; (2) Vô sắc giới; (3) Tận giới. Có ba pháp, đó là ba tụ: (1) Giới tụ; (2) Định tụ; (3) Tuệ tụ. Có ba pháp, đó là ba giới: (1) Tăng thịnh giới; (2) Tăng thịnh đinh; (3) Tăng thịnh tuệ. Có ba pháp, đó là ba thứ tam-muội: (1) Không tam-muội; (2) Vô nguyện tam-muội; (3) Vô tướng tam-muội. Có ba pháp, đó là ba tưởng: (1) Tưởng chỉ tức; (2) Tưởng tinh cần; (3) Tưởng xả. Có ba pháp, đó là ba thứ minh: (1) Tự thức túc mạng trí minh; (2) Thiên nhãn trí minh; (3) Lậu tận trí minh. Có ba pháp, đó là ba sự biến hóa: (1) Thần túc biến hóa; (2) Biết tâm niệm người khác và tùy theo họ mà thuyết pháp; (3) Giáo giới (dạy dỗ). Có ba pháp, đó là ba thứ căn bản do dục sanh: (1) Có chúng sanh do dục hiện tại chi phối nên sanh vào cõi trời, cõi người; (2) Có chúng sanh do hóa dục. sanh về trời Hóa Tự Tại; (3) Có chúng sanh do tha hóa dục. sanh về cõi ttviThaHoaTvT^r ' '

CÓ ba pháp, đó là ba trường hợp do lạc sanh: (1) Có chúng sanh tự nhiên thành tựu nên sanh tâm hoan lạc, như Phạm Quang Âm thiên, khi mới sanh lên cõi ấy; (2) Có chúng sanh lấy niệm làm niềm an lạc và tự nói: “Lành thay!" như Quang Âm thiên; (3) Được sự an vui của chỉ và tức, như Biến Tịnh thiên. Có ba pháp, đó là ba thứ khổ: (1) Hành khổ; (2) Khổ khổ; (3) Biến dịch khổ (hoại khổ). Có ba pháp, đó là ba căn: (1) Vị tri dục tri căn (căn chưa biết mà muốn biết); (2) Tri căn (căn biết); (3) Tri dĩ căn (căn đã biết).

156 KINH TRƯỜNG A-HÀM

CÓ ba pháp, đó là ba đường: (1) Hiền thánh đường; (2) Thiên đường; (3) Phạm đường. Có ba pháp, đó là ba loại phát: (1) Kiến phát; (2) Văn phát; (3) Nghi phát. Có ba pháp, đó là ba luận: (1) Có luận sự bàn thế này: “Trong quá khứ có sự kiện này”; (2) Có luận sự bàn thế này: “Trong vi lai có sự kiện này"; (3) Có luận sự bàn thế này: “Trong hiện tại có sự kiện nay?9 Có ba pháp, đó là ba tụ: (1) Chánh định tụ; (2) Tà định tụ; (3) Bất định tụ. Có ba pháp, đó là ba thứ buồn: (1) Buồn về thân; (2) Buồn về khẩu; (3) Buồn về ý. Có ba pháp, đó là ba bậc Trưởng lão: (1) Niên Trưởng lão; (2) Pháp Trưởng lão; (3) Tác Trưởng lão. Có ba pháp, đó là ba loại nhãn: (1) Nhục nhãn; (2) Thiên nhãn; (3) Huệ nhãn. Này các Tỵ-kheo, đây là Chánh pháp do chính đức Như Lai nói5 vậy phải cùng nhau kiêt tập đê đê phòng sự tranh tụng, khiến cho Phạm hạnh được trường tồn, trời, người được nhiều lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: Có bốn Chánh pháp, đó là bốn ác hạnh về khẩu: (1) Nói dối; (2) Nói hai lưỡi; (3) Nói độc ác; (4) Nói thêm bớt. Có bốn pháp, đó là bốn thiện hạnh về khẩu: (1) Nói chơn thật; (2) Nói nhu nhuyến; (3) Không nói thêm bớt; (4) Không nói hai lưỡi. Có bốn pháp, đó là bốn bất Thánh ngữ: (1) Không thấy nói thấy; (2) Không nghe nói nghe; (3) Không hiểu nói hiểu; (4) Không biết nói biết. Có bốn pháp, đó là bốn Thánh ngữ: (1) Thấy nói thấy; (2) Nghe nói nghe; (3) Hiểu nói hiểu; (4) Biết nói biết. Có bốn pháp, đó là bốn thực: (1) Đoàn thực; (2) Xúc thực; (3) Niệm thực; (4) Thức thực. Có bốn pháp, đó là bốn thọ: (1) Hiện tại tạo khổ hạnh, về sau thọ khổ báo; (2) Hiện tại tạo kho hạnh, ve sau thọ lạc báo; (3) Hiện tại tạo lạc hạnh, ve sau thọ khổ báo; (4) Hiện tại tạo lạc hạnh, về sau thọ lạc báo. Có bốn pháp, đó là bốn thọ: (1) Dục thọ; (2) Ngã thọ; (3) Giới thọ; (4) Kiến thọ. Có bốn pháp, đó là bốn sự trói buộc: (1) Sự trói buộc thân do tham dục; (2) Sự trói buộc thân do sân nhuế; (3) Sự trói buộc thân do trộm cắp; (4) Sự trói buộc thân do ngã kiến. CÓ bôn pháp, đó là bôn gai nhọn: (1) Gai nhọn vê dục; (2) Gai nhọn vê sân; (3) Gai nhọn về kiến; (4) Gai nhọn về mạn. Có bốn pháp, đó là bốn sanh: (1) Noãn sanh; (2) Thai sanh; (3) Thấp sanh; (4) Hóa sanh.

9. KINH CHÚNG TẬP 157

CÓ bốn pháp, đó là bốn niệm xứ: (1) ở đây vị Tỳ-kheo quán thân trong thân, siêng năng không lười biếng, chuyên niệm không quên, xả bỏ sự tham ưu ở đời; (2) Quán thân ngoài thân, siêng năng không lười biếng, chuyên niệm không quên, xả bỏ sự tham ưu ở đời; (3) Quán thân nội ngoại thân, siêng năng không lười biếng, chuyên niệm không quên, xả bỏ sự tham ưu ở đời; (4) Quán về thọ, về ý, về pháp cũng như the. Có bốn pháp, đó là bốn ý đoạn: (1) ở đây vi Tỳ-kheo đối với điều ác chưa sanh, tìm cách khiên không sanh; (2) Nêu điêu ác đã sanh, tìm cách diệt trừ; (3) Nếu điều thiện chưa sanh, tìm cách làm cho phát sanh; (4) Nếu điều thiện đã sanh, tìm cách suy tư để cho chúng càng tăng trưởng. Có bốn pháp, đó là bốn thần túc: (l) ở đây vị Tỳ-kheo nhờ suy tư về dục định mà hành nghiệp được diệt trừ; (2) Cho đến tinh tấn định; (3) Ý đinh; (4) Tư duy định cũng như thế. Có bốn pháp, đó là Tứ thiền: (l) ở đây vị Tỳ-kheo diệt trừ ác dục và bất thiện pháp, có giác, có quán, được ly sanh hỷ lạc và chứng Sơ thiền; (2) Vị Tỳ-kheo ây9 diệt giác, diệt quán nội trú nhát tâm, không giác, không quán, định sanh hỷ lạc, chứng Đệ nhị thiền; (3) Vị Tỳ-kheo ly hỷ, tu tập xả niệm, tinh tấn, tự biết thân lạc, đó là lạc ức niệm chứng Đệ tam thiền; (4) Tiếp theo là sự diệt trừ khô lạc và hỷ ưu

đã cảm thọ ở trước, bát khô bát lạc, xả niệm thanh tinh, chứng Đệ tứ thiền. Có bốn pháp, đó là bốn Phạm đường: (l) Từ; (2) Bi; (3) Hỷ; (4) Xả. Có bốn pháp, đó là bốn Vô sắc đinh: (l) ở đây vị Tỳ"kheo khởi tưởng về tất cả sắc, trước hết diệt tận tưởng sân nhuế, không có nghĩ tưởng nào khác, suy tư về Vô lượng không xứ; (2) Xả Không xứ, nhập Thức xứ; (3) Xả Thức xứ, nhập Bất dụng xứ; (4) Xả Bất dụng xứ, nhập Hữu tưởng vô tưởng xứ. Có bốn pháp, đó là bốn pháp túc: (l) Pháp túc không tham; (2) Pháp túc không sân; (3) Pháp túc chánh niệm; (4) Pháp túc chánh định. Có bốn pháp, đó là bốn dòng họ Hiền thánh: ở đây vị Tỳ-kheo biết đủ về y phục, khi được loại tót không mừng, khi được loại xâu không buôn, đông thời không đăm nhiêm đúng như giới câm và biêt đường giải thoát. Đôi với pháp này, siêng năng không lười biếng thành tựu được pháp này, không thiếu sót, không tổn giảm, đồng thời cũng có thể dạy cho người khác thành tựu pháp này; đó là pháp tri túc thứ nhất và trụ trong dòng Hiền thánh. Từ xưa đến nay chưa bao giờ bi não loạn, ngay cả các loài Phạm, Ma, Sa-môn, Bà- la-môn và thiên, nhơn đều không thể khinh khi. Cho đến thức ăn, thức uống và phương tiện r ngủ nghỉ như giường nệm... thuôc thang tri bệnh đêu tri túc cũng như thê. Có bốn pháp, đó là bốn nhiếp pháp: (l) Huệ thí; (2) Ái ngữ; (3) Lợi nhơn; (4) Đẳng lợi (đong dự).

158 KINH TRƯỜNG A-HÀM

CÓ bốn pháp, đó là bốn chi Tu-đà-hoàn: (1) ở đây^vị Tỳ-kheo đối với đức Phật được niềm tin bất hoại; (2) Đối với Pháp; (3) Đối với Tăng; (4) Đối với giới được niềm tin bất hoại. Có bốn pháp, đó là bốn thọ chứng: (1) Kiến sắc thọ chứng; (2) Thân thọ diệt chứng; (3) Niệm túc mạng chứng; (4) Tri lậu tận chứng. Có bốn pháp, đó là bốn đạo: (1) Khổ tu hành nhimg được kết quả chậm; (2) Khổ tu hành nhimg được kết quả mau; (3) Vui thú tu hành nhưng được kết quả chậm; (4) Vui thú tu hành nhưng được kết quả mau. Có bốn pháp, đó là bốn Thanh đế: (1) Khổ Thánh đế; (2) Khổ tập Thánh đế; (3) Khổ diệt Thánh đế; (4) Khổ xuất yếu Thánh đế. Có bốn pháp, đó là bốn quả Sa-môn: (1) Tu-đà-hoàn; (2) Tư-đà-hàm; (3) A-na-hàm; (4) A-la-hán. Có bốn pháp, đó là bốn xứ: (1) Thật xứ; (2) Thí xứ; (3) Trí xứ; (4) Chỉ tức xứ. Có bốn pháp, đó là bốn trí: (1) Pháp trí; (2) Vi tri trí; (3) Đẳng trí; (4) Tri tha nhân tâm trí. Có bốn pháp, đó là bốn tài về biện luận: (l) Biện tài về pháp; (2) Biện tài về nghĩa; (3) Biện tài về từ; (4) Biện tài về ứng đối. Có bốn pháp, đó là bốn trú xứ của thức: (1) sắc thức trú xứ, sắc thức trú, duyên sắc thức trú, cùng với ái đồng thời tăng trưởng; (2) Thọ; (3) Tưởng; (4) Hanh trụ, cũng thế. Có bốn pháp, đó là bốn ách: (1) Ách của dục; (2) Ách của hữu; (3) Ách của kiến; (4) Ách của vô minh. Có bốn pháp, đó là bốn vô ách: (1) Không có ách của dục; (2) Không có ách của hữu; (3) Không có ách của kiến; (4) Không có ách của vô minh. Có bốn pháp, đó là bốn điều biết: (1) Biết thọ cái đáng thọ; (2) Biết làm cái đáng làm; (3) Biết vui cái đáng vui; (4) Biết bỏ cái đáng bỏ. Có bốn pháp, đó là bốn oai nghi: (1) Biết đi lúc nên đi; (2) Biết đứng lúc nên đứng; (3) Biết ngồi lúc nên ngồi; (4) Biết nằm lúc nên nằm. Có bốn pháp, đó là bốn cách suy tư: (1) Suy tư ít; (2) Suy tư rộng; (3) Suy tư vô lượng; (4) Suy tư vô sở hữu. Có bốn pháp, đó là bốn cách ký luận: (1) Quyết định ký luận; (2) Phân biệt ký luận; (3) Chát vấn ký luận; (4) Chỉ trụ ký luận. Có bốn pháp, đó là bốn pháp phòng hộ của Phật: (1) Đức Như Lai thân hành thanh tịnh, không có thiếu sót, không có sơ suất, đáng tự phòng vệ; (2) Khẩu hành thanh tịnh; (3) Ý hành thanh tịnh; (4) Mạng hành thanh

tịnh, cũng như thế. Đó là Chánh pháp do đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập để đề phòng sự tranh tụng về sau, đồng thời khiến cho Phạm hạnh trường tồn, trời, người được nhiều lợi ích an vui.

9. KINH CHÚNG TẬP 159

Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: - Có năm Chánh pháp, đó là năm nhập: (1) Nhãn sắc; (2) Nhĩ thanh; (3) Tỷ hương; (4) Thiệt vị; (5) Thân xúc. Có năm pháp, đó là năm thọ ấm: (1) sắc; (2) Thọ; (3) Tưởng; (4) Hành; (5) Thức thọ ấm. Có năm pháp, đó là năm cái: (1) Tham dục; (2) Sân nhuế; (3) Thụy miên; (4) Điệu hy; (5) Nghi cái. Có năm pháp, đó là năm hạ phần kiết sử: (1) Thân kiến kiết; (2) Giới đạo kiết; (3) Nghi kiết; (4) Tham dục kiết; (5) Sân nhuế kiết. Có năm pháp, đó là năm thượng phần kiết sử: (1) sắc ái; (2) Vô sắc ái; (3) Vô minh; (4) Kiêu mạn; (5) Hối (trạo hối). Có năm pháp, đó là năm căn: (1) Tín căn; (2) Tấn căn; (3) Niệm căn; (4) Định căn; (5) Tuệ căn. Có năm pháp, đó là năm lực: (1) Tín lực; (2) Tấn lực; (3) Niệm lực; (4) Định lực; (5) Tuệ lực. Có năm pháp, đó là năm diệt tận: (1) Vị Tỳ-kheo tin đức Phật là đấng Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu; (2) Tỳ-kheo không bị bệnh tật, thân thường an ổn; (3) Ngay thẳng không nịnh hót, nếu có thể được như thế, đức Như Lai sẽ chỉ bày cho con đường tắt Niết-bàn; (4) Tự mình chuyên niệm nhất tâm, không cho tán loạn, những điều đọc tụng trước đây ghi nhớ mãi không quên; (5) Khéo quán sự sanh diệt của các pháp, dùng hạnh Hiền thánh để tận diệt gốc khổ. Có năm pháp, đó là ngũ phát: (1) Phi thời phát; (2) Hư phát; (3) Phi nghĩa phát; (4) Hư ngôn phát; (5) Vô từ phát. Có năm pháp, đó là năm thiện phát: (1) Thời phát; (2) Thật phát; (3) Nghĩa phát; (4) Hòa ngôn phát; (5) Từ tâm phát. Có năm pháp, đó là năm sự ganh ghét: (1) Ganh ghét về chỗ ở; (2) Ganh ghét về đàn-việt; (3) Ganh ghét về lợi dưỡng; (4) Ganh ghét về sắc; (5) Ganh ghét về giáo pháp. Có năm pháp, đó là năm lối giải thoát: (1) Tưởng thân là bất tịnh; (2) lương thức ăn là bất tịnh; (3) Tưởng tất cả hành là vô thường; (4) Tưởng tất cả thế gian không đáng vui; (5) Tưởng đến sự chết. Có năm pháp, đó là năm giới giải thoát: (1) ở đây vị Tỳ-kheo đối với dục, không ưa không động, không thân cận, chỉ nghĩ đên sự thoát ly, thích hạnh viên ly, thân cận không lười biếng, tâm vị ấy nhu hòa, ly dục, giải thoát. Những dục mà phát sanh các lậu và ràng buộc vi ấy đều diệt hết mà được giải thoát. Đó là giải thoát khỏi dục; (2) Giải thoát khỏi sân nhuế; (3) Giải thoát khỏi tật đố; (4) Giải thoát khỏi sắc; (5) Giải thoát khỏi thân kiến cũng như thế.

160 « KINH TRƯỜNG A-HÀM

Có năm pháp, đó là năm hỷ giải thoát nhập: Nêu vị Tỳ-kheo siêng năng không lười biếng, thích ở nơi thanh vắng, chuyên niệm nhất tâm những gì chưa hiểu, được hiểu; những gì chưa hết thì hết; những gì chưa an được an. Những gì là năm? (1) ở đây vị Tỳ-kheo nghe đức Như Lai nói pháp, hoặc nghe bậc Phạm hạnh nói pháp, hay nghe Sư trưởng nói pháp, tư duy quán sát phân biệt ý nghĩa của pháp trên, tâm được hoan hỷ; khi đã được hoan hỷ thì được pháp ái; khi đã được pháp ái thì thân tâm an ôn, khi thân tâm đã an ôn thì được thiên định; khi được thiền định thì thấy đúng như thật; đó là giải thoát nhập thứ nhất. (2) ở đây vị Tỳ-kheo khi đã nghe pháp hỷ rồi thì thọ tri, đọc tụng cũng hoan hỷ; (3) Nói cho người khác cũng lại hoan hỷ; (4) Suy tư phân biệt cũng lại

hoan hỷ; (5) Đối với pháp được định cũng như the. Có năm pháp, đó là năm hạng người: (1) Trung Bát-niết-bàn; (2) Sanh Bát- niết-bàn; (3) Vô hành Bát-niết-bàn; (4) Hữu hành Bát-niết-bàn; (5) Thượng lưu A-ca-ni-trá Bát-niết-bàn. Này các Tỳ-kheo5 đây là Chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho Phạm hạnh được trường tồn, trời và người được nhiều lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo? đức Như Lai nói: -Sáu Chánh pháp, đó là sáu loại nội nhập: (1) Nhãn nhập; (2) Nhĩ nhập; (3) Tỷ nhập; (4) Thiệt nhập; (5) Thân nhập; (6) Ý nhập. Có sáu pháp, đó là sáu loại ngoại nhập: (1) sắc nhập; (2) Thanh nhập; (3) Hương nhập; (4) Vị nhập; (5) Xúc nhập; (6) Pháp nhập. Có sáu pháp, đó là sáu thức thân: (1) Nhãn thức thân; (2) Nhĩ thức thân; (3) Tỷ thức thân; (4) Thiệt thức thân; (5) Thân thức thân; (6) Ý thức thân. Có sáu pháp, đó là sáu xúc thân: (1) Nhãn xúc thân; (2) Nhĩ xúc thân; (3) Tỷ xúc thân; (4) Thiệt xúc thân; (5) Thân xúc thân; (6) Ý xúc thân. Có sáu pháp, đó là sáu thọ thân: (1) Nhãn thọ thân; (2) Nhĩ thọ thân; (3) Tỷ thọ thân; (4) Thiệt thọ thân; (5) Thân thọ thân; (6) Ý thọ thân. Có sáu pháp, đó là sáu tưởng thân: (1) sắc tưởng thân; (2) Thanh tưởng thân; (3) Hương tưởng thân; (4) Vị tưởng thân; (5) Xúc tưởng thân; (6) Pháp tưởng thân. Có sáu pháp, đó là sáu tư thân: (1) sắc tư thân; (2) Thanh tư thân; (3) Hương tư thân; (4) Vị tư thân; (5) Xúc tư thân; (6) Pháp tư thân. Có sáu pháp, đó là sáu ái thân: (1) sắc ái thân; (2) Thanh ái thân; (3) Hương ái thân; (4) Vị ái thân; (5) Xúc ái thân; (6) Pháp ái thân. Có sáu pháp, đó là sáu thứ căn bản đưa đến sự tranh chấp: Hoặc có Tỳ-kheo ưa sân không bỏ5 không kính đức Như Lai, không kính Pháp và không kính Tăng. Hơn nữa đối với giới có những khuyết điểm, nhiễm ồ bất tịnh, ở trong chúng hay sanh cãi vã, bị người ghét bỏ, phá rối tịnh chúng, trời, người không yên.

9. KINH CHÚNG TẬP 161

Này các Tỳ-kheo9 các ông phải tự nội quán, giả sử có sân hận, như bị người kia quây rối thì phải nhóm chúng lại một cách hòa hợp, tìm đủ mọi cách châm dứt nguyên nhân sự tranh cãi này. Các ônẹ lại phải chuyên niệm tự quán, giả sử kiet hận đã diệt thì cũng nên tìm cách đe ngăn chặn tâm mình, chớ để nó tái phát. Này các Tỳ-kheo, sự tranh chấp không thật, keo kiệt, tật đố9 lừa gạt, giả dối. Nếu chấp chặt kiến thức của mình, chấp nhận một cách sai lầm mà không bỏ thì mê lầm về tà kiến cùng biên kiến. Có sáu pháp, đó là sáu giới: Tức là địa, hỏa5 thủy, phong, không và thức giới. Có sáu pháp, đó là sáu hạnh quán sát: Mắt quán sắc, tai quán âm thanh, mũi quán mùi hương, lưỡi quán vi, thân quán sự xúc chạm, ý quán pháp. Có sáu pháp, đó là sáu giới giải thoát: Nếu Tỳ-kheo nói như thế nay: "Ta tu tâm từ mà lại sân nhuế.” Những Tỳ-kheo khác nói: "Ngươi chơ nói thế, chớ hủy báng đức Như Lai. Vì sao? Vì đức Như Lai không nói thế. Muốn tu hạnh từ giải thoát mà lại sanh tưởng sân nhuế thì không có sự kiện d6.' Phật dạy: uMột khi đã trừ được sân nhuế thì sau đó mới được từ tâm.,, Cho đến nếu Tỳ-kheo nói: "Ta tu hạnh bi giải thoát mà sanh tâm ghen ghét, tu hạnh hỷ giải thoát mà sanh tâm ưu não, tu hạnh xả giải thoát mà sanh các loạn ưa ghét, tu hạnh vô ngã mà sanh tâm nghi ngờ, tu hạnh vô tưởng mà sanh các loạn tưởng, loạn động,9 cũng lại như thế. Có sáu pháp, đó là sáu thứ vô thượng: (1) Thấy; (2) Nghe; (3) Lợi dưỡng; (4) Giới; (5) Cung kính; (6) Nhớ nghĩ vô thượng. Có sáu pháp, đó là sáu tư niệm: (1) Niệm Phật; (2)

Niệm Pháp; (3) Niệm Tăng; (4) Niệm giới; (5) Niệm thí; (6) Niệm thiên. Đó là Chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho Phạm hạnh được trường tồn và trời, người được nhiều lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: Có bảy pháp, đó là bảy phi pháp: (1) Vô tín; (2) Vô tàm; (3) Vô quý; (4) Nghe ít; (5) Lười biếng; (6) Hay quên; (7) Vô trí. Có bảy pháp, đó là bảy Chánh pháp: (1) Tín; (2) Tàm; (3) Quý; (4) Đa văn; (5) Tinh tan; (6) Tổng trì; (7) Đa tn. Có bảy pháp, đó là bảy chỗ thức trú: Hoặc có chúng sanh có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, như trời, người; đó là chỗ thức trú thứ nhất. Hoặc có chúng sanh có nhiều thứ thân nhimg chỉ có một tưởng như Phạm Quang Am thiên khi mới sanh lên cõi ấy; đó là chỗ thức trú thứ hai. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân nhưng có ngàn loại tưởng, như Quang Âm thiên; đó là chỗ thức trú thứ ba. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân và một thứ tư tưởng, như Biến Tịnh thiên; đó là chỗ thức trú thứ tư. Hoặc có chúng sanh ở Không xứ; đó là chỗ thức trú thứ năm. Hoặc có chúng sanh ở Thức xứ; đó là chỗ thức trú thứ sáu. Hoặc có chúng sanh ở Bất dụng xứ (Vô sở hữu xứ); đó là chỗ thức trú thứ bảy.

CÓ bảy pháp, đó là bảy pháp siêng năng: (1) Siêng năng giữ giới; (2) Siêng năng diệt tham dục; (3) Siêng năng phá tà kiến; (4) Siêng năng đa văn; (5) Siêng năng tinh tấn; (6) Siêng năng chánh niệm; (7) Siêng năng thiền định. Có bảy pháp, đó la bảy cách tưởng: (1) Tưởng bất tinh; (2) Tưởng thức ăn bất tịnh; (3) Tưởng thế gian không đáng vui; (4) Tưởng sự chết; (5) Tưởng vô thường; (6) Tưởng vô thường là khổ; (7) Tưởng vô ngã là khổ. Có bảy pháp, đó là bảy pháp tam-muội cụ túc: (1) Chánh kiến; (2) Chánh tư duy; (3) Chánh ngữ; (4) Chánh nghiệp; (5) Chánh mạng; (6) Chánh phương tiện; (7) Chánh niệm. Có bảy pháp, đó là bảy pháp giác ý: (1) Niệm; (2) Trạch pháp; (3) Tinh tấn; (4) Hỷ; (5) Khinh an; (6) Đinh; (7) Hộ giác ý (xả giác ý). Đó là Chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho Phạm hạnh được trường tồn và trời, người được nhiều lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: - Có tám pháp, đó là tám pháp thế gian: (1) Lợi; (2) Suy; (3) Hủy; (4) Dự; (5) Ximg; (6) Cơ; (7) Khổ; (8) Lạc. • Có tám pháp, đó là tám pháp giải thoát: Dùng sắc quán sắc; đó là pháp giải thoát thứ nhất. Dùng tưởng vô sắc bên trong mà quán sắc bên ngoài; đó là pháp giải thoát thứ hai. Được tịnh giải thoát, đó là pháp giải thoát thứ ba. Vượt khỏi sác tưởng, diệt tư tưởng sân nhuê, an trú vào Không xứ; đó là pháp giải thoát thứ tư. Vượt khỏi Không xứ, trụ vào Thức xứ; đó là pháp giải thoát thứ năm. Vượt khỏi Thức xứ, trụ vào Bất dụng xứ; đó là pháp giải thoát thứ sáu. Vượt khỏi Bất dụng xứ, trụ vào Hữu tưởng vô tưởng xứ; đó là pháp giải thoát thứ bảy. Vượt khỏi Hữu tưởng vô tưởng xứ, trụ vào Diệt tưởng tri; đó là pháp giải thoát thư tám. Có tám pháp, đó là tám Thánh đạo: (1) Chánh kiến; (2) Chánh tư duy; (3) Chánh ngữ; (4) Chánh nghiệp; (5) Chánh mạng; (6) Chánh phương tiện; (7) Chánh niệm; (8) Chánh ih Có tám pháp, đó là tám hạng người: Đang hướng tới Tu-đà-hoàn và chứng quả Tu-đà-hoàn, đang hướng tới Tư-đà-hàm và chứng quả Tư-đà-hàm, đang hướng tới A-na-hàm và chứng quả A-na-hàm, đang hướng tới A-la-hán và chứng quả A-la-hán. ĐÓ là Chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiêt tập để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời

khiến cho Phạm hạnh được trường tồn và trời, người được nhiều lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: Có chín Chánh pháp, đó là chín chỗ ở của chúng sanh: Hoặc có chúng sanh có ngàn loại thân thì có ngàn loại tư tưởng, như trời và người; đó là chỗ ở

9. KINH CHÚNG TẬP 163

thứ nhất của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh gồm có ngàn loại thân nhưng chỉ có một tư tưởng, như Phạm Quang Âm thiên khi mới sanh lên cõi ấy; đó là chỗ ở thứ hai của chúng sanh. Lại có chúng sanh chỉ có một thân nhimg có ngàn loại tư tưởng như Quang Âm thiên; đó là chỗ ở thứ ba của chúng sanh. Lại có chúng sanh chỉ có một thân và một thứ tư tưởng như Biến Tinh thiên; đó là chỗ ở thứ tư của chúng sanh. Lại có chúng sanh không có tư tưởng, không có tri giác, như Vô tưởng thiên; đó là chỗ ở thứ năm của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Không xứ; đó là chỗ ở thứ sáu của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Thức xứ; đó là chỗ ở thứ bảy của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Bất dụng xứ; đó là chỗ ở thứ tám của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Hữu tưởng vô tưởng xứ; đó là chỗ ở thứ chín của chúng sanh. Đó là Chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho Phạm hạnh được trường tồn và trời, người được nhiều lợi ích an vui. Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói: - Có mười Chánh pháp, đó là mười vô học: (1) Vô học chánh kiến; (2) Vô học chánh tư duy; (3) Vô học chánh ngữ; (4) Vô học chánh nghiệp; (5) Vô học chánh mạng; (6) Vô học chánh phương tiện; (7) Vô học chánh niệm; (8) Vô học chánh định; (9) Vô học chánh giải thoát; (10) Vô học chánh trí, Đó là Chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho Phạm hạnh được trường tồn và trời, người được nhiều lợi ích an vui. Bấy giờ, đức Thế Tôn liền ấn khả cho lời nói của ngài Xá-lợi-phất. Khi các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.